

# CM□不銹鋼接頭 系列 – 噫入式

## 特點

- 材質 : SUS316 (含配件)。
- 1/2" 以下最大耐壓 400 kg/cm<sup>2</sup>
- 耐酸鹼，耐高溫。
- 心套經特殊處裡，耐高壓、耐震。
- 擁有多種尺寸可供搭配組合。
- 用於各式金屬管 (軟管可搭配產品使用) 與不同尺寸的金屬管或軟管連接。

## 應用範圍

- 用於液態流體 (水、油、酸鹼液 ... 等) 氣體流動配管連接。
- 儀器、儀表、配管工程以及低壓、高低溫氣體管路。
- 海水環境、醫療設備、農業器具、機械零件組裝。
- 食品工業、化學工業、石化工業、水處理產業皆適用。

型式	規格	型式	規格
SS316 - 噫入式接頭 (直外牙)		SS316 - 噫入式接頭 (彎外牙)	
CMC - 03m03T	3 Ø x 1/8" PT	CME - 03m03T	3 Ø x 1/8" PT
CMC - 03m06T	3 Ø x 1/4" PT	CME - 04m03T	4 Ø x 1/8" PT
CMC - 04m03T	4 Ø x 1/8" PT	CME - 06m03T	6 Ø x 1/8" PT
CMC - 04m06T	4 Ø x 1/4" PT	CME - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT
CMC - 06m03T	6 Ø x 1/8" PT	CME - 06m10T	6 Ø x 3/8" PT
CMC - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT	CME - 06m15T	6 Ø x 1/2" PT
CMC - 06m10T	6 Ø x 3/8" PT	CME - 08m03T	8 Ø x 1/8" PT
CMC - 06m15T	6 Ø x 1/2" PT	CME - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT
CMC - 08m03T	8 Ø x 1/8" PT	CME - 08m10T	8 Ø x 3/8" PT
CMC - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT	CME - 08m15T	8 Ø x 1/2" PT
CMC - 08m10T	8 Ø x 3/8" PT	CME - 10m03T	10 Ø x 1/8" PT
CMC - 08m15T	8 Ø x 1/2" PT	CME - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT
CMC - 10m03T	10 Ø x 1/8" PT	CME - 10m10T	10 Ø x 3/8" PT
CMC - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT	CME - 10m15T	10 Ø x 1/2" PT
CMC - 10m10T	10 Ø x 3/8" PT	CME - 12m06T	12 Ø x 1/4" PT
CMC - 10m15T	10 Ø x 1/2" PT	CME - 12m10T	12 Ø x 3/8" PT
CMC - 12m06T	12 Ø x 1/4" PT	CME - 12m15T	12 Ø x 1/2" PT
CMC - 12m10T	12 Ø x 3/8" PT	CME - 15m15T	15 Ø x 1/2" PT
CMC - 12m15T	12 Ø x 1/2" PT	CME - 16m15T	16 Ø x 1/2" PT
CMC - 12m20T	12 Ø x 3/4" PT	CME - 16m20T	16 Ø x 3/4" PT
CMC - 14m15T	14 Ø x 1/2" PT	CME - 18m15T	18 Ø x 1/2" PT
CMC - 15m15T	15 Ø x 1/2" PT	CME - 18m20T	18 Ø x 3/4" PT
CMC - 16m15T	16 Ø x 1/2" PT	CME - 19m15T	19 Ø x 1/2" PT
CMC - 16m20T	16 Ø x 3/4" PT	CME - 19m20T	19 Ø x 3/4" PT
CMC - 19m15T	19 Ø x 1/2" PT	CME - 20m20T	20 Ø x 3/4" PT
CMC - 19m20T	19 Ø x 3/4" PT	CME - 22m20T	22 Ø x 3/4" PT
		CME - 25m20T	25 Ø x 3/4" PT
		CME - 25m25T	25 Ø x 1" PT
CMC - 10i03T	1/8" Ø x 1/8" PT	CME - 10i03T	1/8" Ø x 1/8" PT
CMC - 10i06T	1/8" Ø x 1/4" PT	CME - 20i03T	1/4" Ø x 1/8" PT
CMC - 15i03T	3/16" Ø x 1/8" PT	CME - 20i06T	1/4" Ø x 1/4" PT
CMC - 20i03T	1/4" Ø x 1/8" PT	CME - 20i10T	1/4" Ø x 3/8" PT
CMC - 20i06T	1/4" Ø x 1/4" PT	CME - 20i15T	1/4" Ø x 1/2" PT
CMC - 20i10T	1/4" Ø x 3/8" PT	CME - 25i03T	5/16" Ø x 1/8" PT
CMC - 20i15T	1/4" Ø x 1/2" PT	CME - 25i06T	5/16" Ø x 1/4" PT
CMC - 25i03T	5/16" Ø x 1/8" PT	CME - 25i10T	5/16" Ø x 3/8" PT
CMC - 25i06T	5/16" Ø x 1/4" PT	CME - 25i15T	5/16" Ø x 1/2" PT
CMC - 25i10T	5/16" Ø x 3/8" PT	CME - 30i03T	3/8" Ø x 1/8" PT
CMC - 25i15T	5/16" Ø x 1/2" PT	CME - 30i06T	3/8" Ø x 1/4" PT
CMC - 30i03T	3/8" Ø x 1/8" PT	CME - 30i10T	3/8" Ø x 3/8" PT
CMC - 30i06T	3/8" Ø x 1/4" PT	CME - 30i15T	3/8" Ø x 1/2" PT
CMC - 30i10T	3/8" Ø x 3/8" PT	CME - 40i06T	1/2" Ø x 1/4" PT
CMC - 30i15T	3/8" Ø x 1/2" PT	CME - 40i10T	1/2" Ø x 3/8" PT
CMC - 40i06T	1/2" Ø x 1/4" PT	CME - 40i15T	1/2" Ø x 1/2" PT
CMC - 40i10T	1/2" Ø x 3/8" PT	CME - 50i15T	5/8" Ø x 1/2" PT
CMC - 40i15T	1/2" Ø x 1/2" PT	CME - 50i20T	5/8" Ø x 3/4" PT
CMC - 40i20T	1/2" Ø x 3/4" PT	CME - 60i15T	3/4" Ø x 1/2" PT
CMC - 50i10T	5/8" Ø x 3/8" PT	CME - 60i20T	3/4" Ø x 3/4" PT
CMC - 50i15T	5/8" Ø x 1/2" PT	CME - 80i20T	1" Ø x 3/4" PT
CMC - 50i20T	5/8" Ø x 3/4" PT	CME - 80i25T	1" Ø x 1" PT
CMC - 60i15T	3/4" Ø x 1/2" PT		
CMC - 60i20T	3/4" Ø x 3/4" PT		
CMC - 80i20T	1" Ø x 3/4" PT		
CMC - 80i25T	1" Ø x 1" PT		

# CM□不銹鋼接頭 系列 – 埋入式

型式	規格
<b>SS316 - 埋入式接頭 (直內牙)</b>	
	
CCF - 03m03T	3 Ø x 1/8" PT
CCF - 03m06T	3 Ø x 1/4" PT
CCF - 04m03T	4 Ø x 1/8" PT
CCF - 04m06T	4 Ø x 1/4" PT
CCF - 06m03T	6 Ø x 1/8" PT
CCF - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT
CCF - 06m10T	6 Ø x 3/8" PT
CCF - 06m15T	6 Ø x 1/2" PT
CCF - 08m03T	8 Ø x 1/8" PT
CCF - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT
CCF - 08m10T	8 Ø x 3/8" PT
CCF - 08m15T	8 Ø x 1/2" PT
CCF - 10m03T	10 Ø x 1/8" PT
CCF - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT
CCF - 10m10T	10 Ø x 3/8" PT
CCF - 10m15T	10 Ø x 1/2" PT
CCF - 12m06T	12 Ø x 1/4" PT
CCF - 12m10T	12 Ø x 3/8" PT
CCF - 12m15T	12 Ø x 1/2" PT
CCF - 15m15T	15 Ø x 1/2" PT
CCF - 16m15T	16 Ø x 1/2" PT
CCF - 16m20T	16 Ø x 3/4" PT
CCF - 18m15T	18 Ø x 1/2" PT
CCF - 18m20T	18 Ø x 3/4" PT
CCF - 19m15T	19 Ø x 1/2" PT
CCF - 19m20T	19 Ø x 3/4" PT
CCF - 20m20T	20 Ø x 3/4" PT
CCF - 22m20T	22 Ø x 3/4" PT
CCF - 25m20T	25 Ø x 3/4" PT
CCF - 25m25T	25 Ø x 1" PT
CCF - 10i03T	1/8" Ø x 1/8" PT
CCF - 10i06T	1/8" Ø x 1/4" PT
CCF - 20i03T	1/4" Ø x 1/8" PT
CCF - 20i06T	1/4" Ø x 1/4" PT
CCF - 20i10T	1/4" Ø x 3/8" PT
CCF - 20i15T	1/4" Ø x 1/2" PT
CCF - 25i03T	5/16" Ø x 1/8" PT
CCF - 25i06T	5/16" Ø x 1/4" PT
CCF - 25i10T	5/16" Ø x 3/8" PT
CCF - 25i15T	5/16" Ø x 1/2" PT
CCF - 30i03T	3/8" Ø x 1/8" PT
CCF - 30i06T	3/8" Ø x 1/4" PT
CCF - 30i10T	3/8" Ø x 3/8" PT
CCF - 30i15T	3/8" Ø x 1/2" PT
CCF - 40i06T	1/2" Ø x 1/4" PT
CCF - 40i10T	1/2" Ø x 3/8" PT
CCF - 40i15T	1/2" Ø x 1/2" PT
CCF - 40i20T	1/2" Ø x 3/4" PT
CCF - 50i10T	5/8" Ø x 3/8" PT
CCF - 50i15T	5/8" Ø x 1/2" PT
CCF - 50i20T	5/8" Ø x 3/4" PT
CCF - 60i15T	3/4" Ø x 1/2" PT
CCF - 60i20T	3/4" Ø x 3/4" PT
CCF - 80i20T	1" Ø x 3/4" PT
CCF - 80i25T	1" Ø x 1" PT

型式	規格
<b>SS316 - 埋入式接頭 (直由任)</b>	
	
CVU2 - 03m	3 Ø
CVU2 - 04m	4 Ø
CVU2 - 05m	5 Ø
CVU2 - 06m	6 Ø
CVU2 - 08m	8 Ø
CVU2 - 10m	10 Ø
CVU2 - 12m	12 Ø
CVU2 - 14m	14 Ø
CVU2 - 15m	15 Ø
CVU2 - 16m	16 Ø
CVU2 - 18m	18 Ø
CVU2 - 19m	19 Ø
CVU2 - 20m	20 Ø
CVU2 - 22m	22 Ø
CVU2 - 25m	25 Ø
CVU2 - 10i	1/8" Ø
CVU2 - 15i	3/16" Ø
CVU2 - 20i	1/4" Ø
CVU2 - 25i	5/16" Ø
CVU2 - 30i	3/8" Ø
CVU2 - 40i	1/2" Ø
CVU2 - 50i	5/8" Ø
CVU2 - 60i	3/4" Ø
CVU2 - 80i	1" Ø

型式	規格
<b>SS316 - 埋入式接頭 (異徑直由任)</b>	
	
CRU - 06m08m	6 Ø x 8 Ø
CRU - 08m10m	8 Ø x 10 Ø
CRU - 10m12m	10 Ø x 12 Ø
CRU - 12m14m	12 Ø x 14 Ø
CRU - 12m19m	12 Ø x 19 Ø
CRU - 06m20i	6 Ø x 1/4" Ø
CRU - 06m30i	6 Ø x 3/8" Ø
CRU - 06m40i	6 Ø x 1/2" Ø
CRU - 08m20i	8 Ø x 1/4" Ø
CRU - 08m30i	8 Ø x 3/8" Ø
CRU - 08m40i	8 Ø x 1/2" Ø
CRU - 10m40i	10 Ø x 1/2" Ø
CRU - 10m50i	10 Ø x 5/8" Ø
CRU - 12m20i	12 Ø x 1/4" Ø
CRU - 12m30i	12 Ø x 3/8" Ø
CRU - 12m40i	12 Ø x 1/2" Ø
CRU - 19m40i	19 Ø x 1/2" Ø
CRU - 10i20i	1/8" Ø x 1/2" Ø
CRU - 10i30i	1/8" Ø x 3/8" Ø
CRU - 10i40i	1/8" Ø x 1/2" Ø
CRU - 20i30i	1/4" Ø x 3/8" Ø
CRU - 20i40i	1/4" Ø x 1/2" Ø
CRU - 30i40i	3/8" Ø x 1/2" Ø
CRU - 40i50i	1/2" Ø x 5/8" Ø

型式	規格
<b>SS316 - 埋入式接頭 (彎由任)</b>	
	
CUE - 10i	1/8" Ø
CUE - 15i	3/16" Ø
CUE - 20i	1/4" Ø
CUE - 25i	5/16" Ø
CUE - 30i	3/8" Ø
CUE - 40i	1/2" Ø
CUE - 50i	5/8" Ø
CUE - 60i	3/4" Ø
CUE - 80i	1" Ø

型式	規格
<b>SS316 - 埋入式接頭 (隔板由任)</b>	
	
CBU - 06m	6 Ø
CBU - 08m	8 Ø
CBU - 10m	10 Ø
CBU - 12m	12 Ø
CBU - 20i	1/4" Ø
CBU - 25i	5/16" Ø
CBU - 30i	3/8" Ø
CBU - 40i	1/2" Ø

型式	規格
<b>SS316 - 埋入式接頭 (三通由任)</b>	
	
CUT - 10i	1/8" Ø
CUT - 15i	3/16" Ø
CUT - 20i	1/4" Ø
CUT - 25i	5/16" Ø
CUT - 30i	3/8" Ø
CUT - 40i	1/2" Ø
CUT - 50i	5/8" Ø
CUT - 60i	3/4" Ø
CUT - 80i	1" Ø

# CM□不銹鋼接頭 系列 – 噫入式

型式	規格
<b>SS316 - 噫入式接頭 ( 螺帽 )</b>	
	
N - 03m	3 Ø
N - 04m	4 Ø
N - 05m	5 Ø
N - 06m	6 Ø
N - 08m	8 Ø
N - 10m	10 Ø
N - 12m	12 Ø
N - 14m	14 Ø
N - 15m	15 Ø
N - 16m	16 Ø
N - 18m	18 Ø
N - 19m	19 Ø
N - 20m	20 Ø
N - 22m	22 Ø
N - 25m	25 Ø
N - 10i	1/8" Ø
N - 15i	3/16" Ø
N - 20i	1/4" Ø
N - 25i	5/16" Ø
N - 30i	3/8" Ø
N - 40i	1/2" Ø
N - 50i	5/8" Ø
N - 60i	3/4" Ø
N - 80i	1" Ø

型式	規格
<b>SS316 - 噫入式接頭 ( 心套 )</b>	
	
FF - 03m	3 Ø
FF - 04m	4 Ø
FF - 05m	5 Ø
FF - 06m	6 Ø
FF - 08m	8 Ø
FF - 10m	10 Ø
FF - 12m	12 Ø
FF - 14m	14 Ø
FF - 15m	15 Ø
FF - 16m	16 Ø
FF - 18m	18 Ø
FF - 19m	19 Ø
FF - 20m	20 Ø
FF - 22m	22 Ø
FF - 25m	25 Ø
FF - 10i	1/8" Ø
FF - 15i	3/16" Ø
FF - 20i	1/4" Ø
FF - 25i	5/16" Ø
FF - 30i	3/8" Ø
FF - 40i	1/2" Ø
FF - 50i	5/8" Ø
FF - 60i	3/4" Ø
FF - 80i	1" Ø

型式	規格
<b>SS316 - 噫入式接頭 ( 線管 ØB x ØD )</b>	
	
IN06m04m	Ø6 x Ø4
IN08m06m	Ø8 x Ø6
IN10m08m	Ø10 x Ø8
IN12m08m	Ø12 x Ø8
IN12m10m	Ø12 x Ø10
IN16m13m	Ø16 x Ø13
IN20i12.5i	Ø1/4" x Ø5/32"
IN20i10i	Ø1/4" x Ø1/8"
IN20i15i	Ø1/4" x Ø3/16"
IN30i20i	Ø3/8" x Ø1/4"
IN40i30i	Ø1/2" x Ø3/8"
IN60i40i	Ø3/4" x Ø1/2"
IN60i50i	Ø3/4" x Ø5/8"
IN80i60i	Ø1" x Ø3/4"
IN80i70i	Ø1" x Ø7/8"

型式	規格
<b>SS316 - 噫入式接頭 ( 塞頭 )</b>	
	
M - 06m	6 Ø
M - 08m	8 Ø
M - 10m	10 Ø
M - 12m	12 Ø
M - 20i	1/4" Ø
M - 25i	5/16" Ø
M - 30i	3/8" Ø
M - 40i	1/2" Ø

型式	規格
<b>SS316 - 噫入式接頭 ( 管帽 )</b>	
	
CAP - 06m	6 Ø
CAP - 08m	8 Ø
CAP - 10m	10 Ø
CAP - 12m	12 Ø
CAP - 20i	1/4" Ø
CAP - 25i	5/16" Ø
CAP - 30i	3/8" Ø
CAP - 40i	1/2" Ø